TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **10**/2019/DS-PT
Ngày: 14/01/2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ***Bà Đặng Mạnh Cẩm Yến***

Các Thẩm phán: ***Ông Vũ Viết Văn***

Ông Mai Tiến Dũng

Thư ký phiên tòa: ***Bà Vương Thùy Dương***

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: ***Bà Ngô Phương Liên*** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 14/01/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 266/2018/TLPT-DS ngày 14/12/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 05/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 393/2018/QĐ-PT ngày 26/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1980. Có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: thị trấn Phúc Thọ, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội

- Bị đơn: Bà Doãn Thị M, sinh năm 1957. Có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: thị trấn Phúc Thọ, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Trịnh Thị H trình bày như sau: Chị và con trai bà Doãn Thị M có học cùng nhau nên quen biết với bà M. Ngày 13/7/2011 âm lịch bà Doãn Thị M có vay của chị 50 triệu đồng, thỏa thuận một tháng sau trả, không

thỏa thuận lãi xuất. Ngày 11/11/2011 âm lịch bà M có vay tiếp của chị 10 triệu đồng, không thỏa thuận lãi xuất, thời gian trả nợ. Tất cả giấy vay tiền do chính tay bà M viết. Việc vay nợ chỉ có chị và bà M thỏa thuận với nhau, không liên quan đến ai khác, chị đã rất nhiều lần đến đòi bà M trả nợ, nhưng bà M không trả. Tính đến nay bà M vẫn chưa trả chị tiền vay, vì vậy chị khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà M phải trả số tiền 60 triệu đồng tiền gốc, còn tiền lãi chị không yêu cầu bà M phải trả.

Bị đơn bà Doãn Thị M trình bày: Bà và chị Trịnh Thị H không có quan hệ gì với nhau. Cách đây đã lâu, khoảng 9 – 10 năm nay bà có vay của chị H số tiền 60 triệu đồng, vay với lãi xuất cao. Khi vay giữa bà và chị H không làm hợp đồng mà chỉ viết tay với nhau. Tính đến thời điểm hiện nay bà đã trả chị H hết cả gốc lẫn lãi, khi trả nợ giữa bà và chị H không viết giấy tờ gì cả. Nay chị H yêu cầu bà phải trả nợ, bà không đồng ý vì đã trả tiền cho chị H rồi.

Với nội dung như trên, tại bản án số 15/2018/DS-ST ngày 05/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 121, Điều 122, Điều124, Điều 302, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Tuyên xử: Chấp nhân yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị H. Buộc bà Doãn Thị M phải trả cho chị Trịnh Thị H số tiền 60.000.000 đồng *(Sáu mươi triệu đồng)*.

Về án phí: Bà Doãn Thị M phải chịu 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 22/10/2018 bà Doãn Thị M kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được để giải quyết vụ án. Bà M thừa nhận đã vay của chị H 60.000.000đồng nhưng đã trả, tuy nhiên bà không xuất trình được chứng cứ về việc đã trả chị H số tiền này.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà M phải trả cho chị H số tiền 60.000.000đồng. Do chị H không yêu cầu về lãi nên không xem xét. Đối với yêu cầu của bà M cho rằng đã trả hết số tiền gốc là 60.000.000 đồng nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng M nên không có căn cứ chấp nhận.

Về án phí, do bà M sinh năm 1957, có đơn xin miễn án phí, đề nghị HĐXX sửa án sơ thẩm về án phí, miễn án phí cho bà M.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, yêu cầu của các bên đương sự ; quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét.

[2]. Về nội dung vụ án:

Do có mối quan hệ quen biết, chị H đã cho bà Doãn Thị M vay tiền hai lần, với tổng số tiền là 60.000.000 đồng. Cụ thể từng lần là: Ngày 13/7/2011 âm lịch vay 50.000.000 đồng, thỏa thuận một tháng sau trả, không thỏa thuận lãi xuất. Ngày 11/11/2011 âm lịch vay tiếp 10.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi xuất và thời gian trả nợ. Các giấy vay tiền do bà M viết, ngoài ra giữa hai bên không làm giấy tờ gì khác, chị đã nhiều lần đòi tiền nhưng bà M không trả. Tính đến nay bà M vẫn chưa trả, chị đề nghị bà M phải trả chị số tiền gốc, còn tiền lãi không yêu cầu.

Xét việc vay tiền giữa bà M với chị H vào các ngày 13/7/2011 và ngày 11/11/2011 đều được hai bên lập giấy vay tiền, có chữ ký xác nhận của bà M. Bị đơn bà M thừa nhận có vay 60.000.000 đồng của chị H, nhưng vay với lãi xuất cao, tính đến thời điểm hiện tại bà đã trả hết cả gốc lẫn lãi. Khi trả nợ gốc, lãi hai bên không viết giấy tờ gì, bà cũng không lưu giữ giấy tờ gì để chứng M cho việc đã trả nợ cho chị H.

Theo quy định tại Điều 2 của Nghị quyết số: 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội quy định: Đối với các tranh chấp phát sinh trước ngày 01/01/2017 thì áp dụng quy định về thời hiệu tại Điều 159 của Bộ luật Tố tụng dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2011 để giải quyết vụ án. Như vậy, Giấy vay nợ tiền giữa bà Doãn Thị M và chị Trịnh Thị H phù hợp với quy định tại các Điều 121, 122, 124, 302, 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005. Đối chiếu với các quy định của pháp luật thì bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên buộc bà phải trả nợ cho chị H.

Về tiền lãi: Do chị H tự nguyện không yêu cầu tiền lãi, nên chấp nhận sự tự nguyện này của chị H.

Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà M kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng M cho yêu cầu của mình nên không có căn cứ để chấp nhận, vì vậy giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần này.

Về án phí : Tại cấp phúc thẩm bà M có đơn xin miễn giảm án phí. Bà M đã hơn 60 tuổi, áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 12 Nghị quyết 326 của Quốc hội chấp nhận miễn án phí cho bà M.

Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 2 Điều 308 của BLTTDS: Sửa 1 phần bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 05/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội. Cụ thể:

Căn cứ vào Điều 121, Điều 122, Điều124, Điều 302, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 408 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị H. Buộc bà Doãn Thị M phải trả cho chị Trịnh Thị H số tiền 60.000.000 đồng *(Sáu mươi triệu đồng)*.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trịnh Thị H không yêu cầu bà Doãn Thị M phải trả tiền lãi.

3. Về án phí:

- Bà Doãn Thị M được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Hoàn trả bà Doãn Thị M 300.000 đồng dự phí kháng cáo đã nộp, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005423 ngày 26/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

- Hoàn trả chị Trịnh Thị H 1.500.000 đồng *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005322 ngày 16/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hà Nội
- Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ
- Chi cục THADS huyện Phúc Thọ
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Mạnh Cẩm Yến